

Bản án số: **109/2020/DS-ST**

Ngày: 26/8/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Nhì.

2. Bà Võ Thị Xuân Đào.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.*

Trong ngày 26/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 27/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-DS ngày 01/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-DS ngày 24/7/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-DS ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.G.T.T.**

Địa chỉ: N.K.K.N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà L.H.H.D – Giấy ủy quyền số 49/2020/CV-CNBT ngày 07/02/2020 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn: Ông P.X.D.H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: P.V.C, Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020; Tại các Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 29/5/2020; Biên bản hòa giải ngày 29/5/2020 và ngày 01/7/2020; Các Bản tự khai vào ngày 29/5/2020, ngày 26/8/2020 - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/4/2011, ông P.X.D.H có ký với Ngân hàng TMCP S.G.T.T – Chi nhánh B.T, Thành phố Hồ Chí Minh hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Hạn mức thẻ tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn).

Thực hiện hợp đồng: Sau khi được cấp thẻ tín dụng ngày 09/5/2011, ông P.X.D.H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.802.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông P.X.D.H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 16.729.021 đồng, lần cuối cùng thanh toán số tiền 325.000 đồng vào ngày 15/7/2013, dư nợ cuối kỳ là 10.462.922 đồng. Sau đó, ông P.X.D.H đã tiếp tục thực hiện việc rút tiền, nhưng không thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P.X.D.H vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng.

Ngày 15/11/2013, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P.X.D.H và đã chuyển toàn bộ dư nợ cuối kỳ 13.754.699 đồng còn thiếu sang nợ quá hạn ( căn cứ theo điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng).

Do khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S.G.T.T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông P.X.D.H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đền xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2020 là 50.364.835 đồng trong đó:

- Nợ gốc: 13.754.699 đồng
- Lãi quá hạn: 36.610.136 đồng (lãi được tính từ ngày 16/11/2013 đến ngày 26/8/2020)

Ông P.X.D.H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Buộc ông P.X.D.H phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí

Ngoài ra nguyên đơn không có bất kỳ yêu cầu nào khác.

- *Bị đơn: Ông P.X.D.H vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án nên không có bản khai.*

*\* Tại phiên tòa:*

- *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà L.H.H.D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, tổng cộng là 50.364.835 đồng tạm tính đến ngày xét xử và khoản lãi phát sinh từ ngày 27/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.*

*Bị đơn: Ông P.X.D.H vắng mặt không lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu ý kiến:*

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 203, Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 211, Điều 220 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm: thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần HĐXX, đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về phần thủ tục, phần hỏi và phần tranh luận, HĐXX cũng thực hiện đúng quy định.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông P.X.D.H phải trả toàn bộ số tiền 50.364.835 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Hội đồng xét xử nhận định:

*[Về tố tụng:*

- Thẩm quyền loại việc:

Ông P.X.D.H ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản.

- Về Thẩm quyền lãnh thổ:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường U, Quận Y về đương sự P.X.D.H như sau: “*Đương sự P.X.D.H sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú tại P.V.C, Phường U, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Xét, Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với ông P.X.D.H thuộc khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 nên Tòa án nhân dân Quận Y thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông P.X.D.H đã được Tòa án thông đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P.X.D.H là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên không yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.]

*[Về nội dung:*

Theo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 02/4/2011 ông P.X.D.H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S.G.T.T, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn).

Ngày 09/5/2011, ông P.X.D.H đã ký nhận và kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng, căn cứ vào bản tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp đề ngày 26/8/2020 thì xác định được bị đơn thực hiện giao dịch lần đầu tiên vào ngày 24/6/2011 với số tiền là 6.000.000 đồng, trong quá trình vay và trả nợ thì ông P.X.D.H đã thanh toán cho ngân hàng được 07 lần với tổng số tiền đã trả là 16.729.021 đồng. Kể từ ngày 15/7/2013 ông P.X.D.H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho nguyên đơn.

Đến ngày 06/02/2020 Ngân hàng TMCP S.G.T.T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P.X.D.H phải trả ngay cho Ngân hàng một lần số tiền nợ tổng cộng 50.364.835 đồng, trong đó: Nợ gốc: 13.754.699 đồng và nợ lãi: 36.610.136 đồng (lãi được tính từ ngày 16/11/2013 đến ngày 26/8/2020).

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ông P.X.D.H thực hiện các giao dịch và đã thanh toán được số tiền 16.729.021 đồng và còn nợ lại 50.364.835 đồng nhưng bị đơn đã không thanh toán. Như vậy, bị đơn đã vi phạm phần cam kết của hợp đồng, vi phạm các khoản 18, 19, 20 quy định về phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán, áp dụng thanh toán của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng; Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông P.X.D.H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ: 50.364.835 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên là có cơ sở chấp nhận.

Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P.X.D.H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.G.T.T. Cụ thể:

1/ Buộc ông P.X.D.H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T các khoản:

- Nợ gốc: 13.754.699đồng

- Lãi quá hạn: 36.610.136đồng (lãi được tính từ ngày 16/11/2013 đến ngày 26/8/2020).

Tổng cộng: 50.364.835đồng.

2/ Kể từ ngày 27/8/2020, ông P.X.D.H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3/ Các bên thi hành án tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông P.X.D.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: là 2.517.242đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S.G.T.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.183.712(một triệu, một trăm tám mươi ba ngàn, bảy trăm mười hai) đồng theo biên lai thu

số AA/2019/0010074 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**5/ Quyền kháng cáo:**

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tô Thanh Sang**